

**PHƯƠNG HƯỚNG TUYỂN SINH
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM NĂM 2026**

Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) thông báo về phương hướng tuyển sinh trình độ đại học năm 2026, hình thức đào tạo chính quy với các nội dung như sau:

1. Phương thức tuyển sinh

Trường áp dụng hai phương thức tuyển sinh như sau:

- Phương thức 1:

a) Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học chính quy ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ GD&ĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, mã phương thức xét tuyển (PTXT) 301.

b) Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài và tốt nghiệp THPT của nước ngoài dựa trên kết quả học tập THPT của thí sinh. Phương thức này chỉ dành cho các chương trình đào tạo theo đề án (chương trình tiên tiến, chương trình tăng cường tiếng Anh), mã PTXT 410.

- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12, mã PTXT 500.

2. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Tất cả điểm tổ hợp của kết quả điểm thi THPT 2026, điểm tổ hợp của học bạ, kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 sẽ được chuẩn hóa về thang điểm 30 khi áp dụng vào công thức kết hợp. Điểm trúng tuyển sẽ được chuẩn hóa và công bố ở mức điểm theo quy định của ĐHQG (chi tiết xem thông báo cho từng phương thức của Trường).

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của các phương thức sẽ được thông báo theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến tuyển hơn 5.000 sinh viên cho 39 ngành/ chương trình, tăng gần 500 chỉ tiêu so với năm 2025.

Trường dự kiến mở 7 chương trình tăng cường tiếng Anh mới, gồm: Công nghệ Vật lý điện tử và tin học (Chương trình tăng cường tiếng Anh); Hải dương học (Chương trình tăng cường tiếng Anh); Toán ứng dụng (Chương trình tăng cường tiếng Anh); Toán tin (Chương trình tăng cường tiếng Anh); Khoa học dữ liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh); Công nghệ Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh); Vật lý y khoa (chương trình tăng cường tiếng Anh).

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
1	7420101	Sinh học	215	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Tiếng Anh - Sinh học (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Công nghệ công nghiệp - Sinh học (4) Toán - Công nghệ nông nghiệp - Sinh học (5) Toán - Ngữ Văn - Sinh học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
2	7420101_DKD	Sinh học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	90	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Tiếng Anh - Sinh học (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Công nghệ công nghiệp - Sinh học (4) Toán - Công nghệ nông nghiệp - Sinh học (5) Toán - Ngữ Văn - Sinh học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
3	7420201	Công nghệ Sinh học	200	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Tiếng Anh - Sinh học (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Công nghệ công nghiệp - Sinh học (4) Toán - Công nghệ nông nghiệp - Sinh học (5) Toán - Ngữ Văn - Sinh học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
4	7420201_DKD	Công nghệ Sinh học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	160	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Tiếng Anh - Sinh học (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Công nghệ công nghiệp - Sinh học (4) Toán - Công nghệ nông nghiệp - Sinh học (5) Toán - Ngữ Văn - Sinh học (6) Toán - Vật lý - Sinh học

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
5	7440102_DKD	Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	140	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
6	7440102_NN	Nhóm ngành Vật lý học (CT: 150), Công nghệ Vật lý điện tử và tin học (CT: 70)	220	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
7		Công nghệ Vật lý điện tử và tin học (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	60	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
8		Công nghệ bán dẫn	70	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
9	7440112	Hoá học	230	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Hóa học - Vật lý (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Hóa học - Ngữ văn (4) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Công nghệ công nghiệp (6) Toán - Hóa học - Công nghệ nông nghiệp

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
10	7440112_DKD	Hóa học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	150	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Hóa học - Vật lý (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Hóa học - Ngữ văn (4) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Công nghệ công nghiệp (6) Toán - Hóa học - Công nghệ nông nghiệp
11	7440122	Khoa học Vật liệu	150	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Ngữ Văn - Hóa học (3) Toán - Ngữ Văn - Vật Lý (4) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (6) Toán - Hóa học - Sinh học
12	7440122_DKD	Khoa học Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	80	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Ngữ Văn - Hóa học (3) Toán - Ngữ Văn - Vật Lý (4) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (6) Toán - Hóa học - Sinh học
13	7440201_NN	Nhóm ngành Địa chất học (CT: 40), Kinh tế đất đai (CT: 100)	140	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hoá học (2) Toán - Lịch sử - Địa lý (3) Toán - Ngữ văn - Vật lý (4) Toán - Ngữ văn - Địa lý (5) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (6) Toán - Địa lý - Tiếng Anh
14	7440228	Hải dương học	50	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Ngữ văn (3) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (4) Toán - Vật lý - Sinh học (5) Toán - Vật lý - Địa lý (6) Toán - Vật lý - Tin học

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
15	7440228_DKD	Hải dương học (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	40	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Ngữ văn (3) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (4) Toán - Vật lý - Sinh học (5) Toán - Vật lý - Địa lý (6) Toán - Vật lý - Tin học
16	7440301	Khoa học Môi trường	125	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Sinh học - Hóa học (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tin học
17	7440301_DKD	Khoa học Môi trường (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	80	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Sinh học - Hóa học (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tin học
18	7460101_NN	Nhóm ngành Toán học (Toán học, Toán ứng dụng, Toán tin)	180	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Sinh học (4) Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh
19	7460112_DKD	Toán ứng dụng (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	40	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Sinh học (4) Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh.

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
20	7460117_DKD	Toán tin (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	40	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Sinh học (4) Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh.
21	7460108_NN	Nhóm ngành Khoa học dữ liệu (CT:40), Thống kê (CT:40)	80	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Sinh học (4) Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh.
22	7460108_DKD	Khoa học dữ liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	60	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Sinh học (4) Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh.
23	7480101_TT	Khoa học máy tính (Chương trình Tiên tiến)	90	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Tin học - Tiếng Anh (5) Toán - Vật Lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh
24	7480107	Trí tuệ nhân tạo	90	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Tin học - Tiếng Anh (5) Toán - Vật Lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
25	7480201_DKD	Công nghệ thông tin (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	530	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Tin học - Tiếng Anh (5) Toán - Vật Lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh
26	7480201_NN	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Khoa học máy tính)	490	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Vật Lý - Tiếng Anh (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Tin học - Tiếng Anh (5) Toán - Vật Lý - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tiếng Anh
27	7510401_DKD	Công nghệ kỹ thuật Hoá học (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	155	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Hóa học - Vật lý (2) Toán - Hóa học - Sinh học (3) Toán - Hóa học - Ngữ văn (4) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Công nghệ công nghiệp (6) Toán - Hóa học - Công nghệ nông nghiệp
28	7510402	Công nghệ Vật liệu	180	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Ngữ Văn - Hóa học (3) Toán - Ngữ Văn - Vật Lý (4) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (6) Toán - Hóa học - Sinh học
29	7510402_DKD	Công nghệ Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	60	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật Lý - Hóa học (2) Toán - Ngữ Văn - Hóa học (3) Toán - Ngữ Văn - Vật Lý (4) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (6) Toán - Hóa học - Sinh học

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
30	7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	125	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Sinh học - Hóa học (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tin học
31	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	150	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Tiếng Anh - Tin học (4) Toán - Vật lý - Tin học (5) Toán - Vật lý - Sinh học (6) Toán - Tiếng Anh - Sinh học
32	75202a1	Thiết kế vi mạch	80	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Tiếng Anh - Tin học (4) Toán - Vật lý - Tin học (5) Toán - Vật lý - Sinh học (6) Toán - Tiếng Anh - Sinh học
33	7520207_DKD	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chương trình tăng cường tiếng Anh)	120	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Tiếng Anh - Tin học (4) Toán - Vật lý - Tin học (5) Toán - Vật lý - Sinh học (6) Toán - Tiếng Anh - Sinh học
34	7520402	Kỹ thuật hạt nhân	60	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học

STT	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu 2026	Tổ hợp xét tuyển
35	7520403	Vật lý y khoa	40	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
36	7520403_DKD	Vật lý y khoa (chương trình tăng cường tiếng Anh)	40	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Vật lý - Ngữ Văn (4) Toán - Vật lý - Lịch Sử (5) Toán - Vật lý - Tin học (6) Toán - Vật lý - Sinh học
37	7520501	Kỹ thuật địa chất	35	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hoá học (2) Toán - Ngữ văn - Vật lý (3) Toán - Ngữ văn - Hoá học (4) Toán - Ngữ văn - Địa lý (5) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (6) Toán - Địa lý - Tiếng Anh
38	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	110	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Sinh học - Hóa học (3) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (4) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (5) Toán - Hóa học - Tin học (6) Toán - Sinh học - Tin học
39	7140103	Công nghệ giáo dục	100	Tổ hợp xét tuyển học bạ / điểm thi THPT 2026: (1) Toán - Vật lý - Hóa học (2) Toán - Vật lý - Tiếng Anh (3) Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh (4) Toán - Ngữ văn - Vật lý (5) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (6) Toán - Hóa học - Sinh học

4. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

a) Các điều kiện sử dụng trong xét tuyển và ngưỡng đầu vào

- Tất cả thí sinh (bao gồm cả thí sinh được xét tuyển thẳng) phải thực hiện đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trực tuyến, đăng ký tất cả nguyện vọng xét tuyển (NVXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT và nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống theo quy định của Bộ GDĐT.

- Điểm cộng đối với giải thưởng học thuật chỉ được xét và công nhận khi thí sinh gửi minh chứng về cho Trường theo đúng thời gian quy định trong **thông báo tuyển sinh** ứng với từng phương thức xét tuyển để trường thực hiện công tác rà soát. Tất cả trường hợp minh chứng gửi sau thời gian quy định và Trường không kịp thời thực hiện rà soát thì sẽ không công nhận điểm cộng cho thí sinh.

- Thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển bắt buộc phải khai thông tin, nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định trong thông báo tuyển sinh ứng với phương thức xét tuyển để Trường thực hiện xét tuyển/sơ tuyển/cộng điểm thưởng. Thí sinh khai báo chính xác và chịu trách nhiệm thông tin khai báo của mình.

- Tất cả chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tiếng Anh (TOEFL iBT hay IELTS) chỉ được quy đổi sang điểm môn tiếng Anh (chỉ áp dụng đối với các tổ hợp có môn tiếng Anh của kết quả kỳ thi THPT 2026 trong Phương thức 2) khi thí sinh gửi minh chứng về cho Trường theo đúng thời gian quy định của Thông báo tuyển sinh đối với từng phương thức. Đối với Phương thức 2, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tiếng Anh (TOEFL iBT hay IELTS) được quy đổi từ mức 4.5 trở lên theo quy định tại mục 5d) dưới đây.

- Đối với xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của Bộ GDĐT (Phương thức 1a), ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện ĐKXT áp dụng theo quy định của Bộ GDĐT.

- Đối với thí sinh là người có quốc tịch nước ngoài và tốt nghiệp THPT theo chương trình của nước ngoài thì xét tuyển dựa trên giải thưởng học thuật kết hợp với kết quả học tập THPT của thí sinh.

- Đối với xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12 (Phương thức 2) ngưỡng đảm bảo chất lượng sẽ được Hội đồng tuyển sinh Trường quyết định và công bố sau khi có điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT để thí sinh điều chỉnh theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

- Ngoài ra, đối với thí sinh đăng ký vào Ngành Thiết kế vi mạch, Ngành Công nghệ bán dẫn theo Quy định 2101/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2025 của Bộ GDĐT về Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ, ngưỡng đảm bảo chất lượng của thí sinh khi đăng ký phải đạt thêm các điều kiện như sau:

- Nếu thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 1a) và 1b) thì thí sinh cần có điểm trung bình cộng môn Toán 03 năm lớp 10, 11, 12 có giá trị lớn hơn hay bằng 20% điểm cao nhất môn Toán toàn quốc trong kỳ thi THPT 2026.

- Nếu thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 2 thì thí sinh cần điểm thi môn Toán có giá trị lớn hơn hay bằng 20% điểm cao nhất môn Toán toàn quốc trong kỳ thi THPT 2026 và tổng điểm tổ hợp 03 môn xét tuyển lớn hơn hay bằng mức điểm nằm trong 25% tổng điểm cao nhất toàn quốc của các tổ hợp 03 môn xét tuyển.

Hoặc

- Trong trường hợp thí sinh không có dự thi THPT 2026 thì thí sinh có điểm trung bình cộng môn Toán 03 năm lớp 10, 11, 12 có giá trị lớn hơn hay bằng 20% điểm cao nhất môn Toán toàn quốc trong kỳ thi THPT 2026 và đạt mức điểm đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 khi quy đổi sang thang điểm 30 lớn hơn hay bằng mức điểm nằm trong 25% tổng điểm cao nhất toàn quốc của các tổ hợp 03 môn xét tuyển.

b) Điểm cộng

Điểm cộng áp dụng cho thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển các phương thức 1b, và phương thức 2 được quy định cụ thể tại các thông báo chi tiết của các phương thức tương ứng. Thông tin chung về điểm cộng như sau:

- Môn đoạt giải được cộng điểm:

- Thí sinh đoạt giải các môn sau đều được điểm cộng: *Toán học, Vật lý học, Hóa học, Sinh học, Tin học, Trí tuệ nhân tạo (Kỳ thi Olympic Trí tuệ nhân tạo toàn quốc VOAI/quốc tế), Tiếng Anh.*

- Riêng thí sinh đoạt giải môn *Địa lý* thì được cộng điểm vào các ngành/nhóm ngành như sau: Hải dương học, Nhóm ngành Địa chất học, Kinh tế đất đai, Kỹ thuật địa chất, Khoa học Môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Quản lý tài nguyên môi trường.

- Điểm cộng cơ sở theo giải thưởng học thuật, thành tích học tập hay thành tích đặc biệt của thí sinh sẽ được thông báo cụ thể trong thông báo tuyển sinh của Trường trong đó điểm cộng cơ sở tối đa là 5% trên thang điểm tối đa của Điểm xét tuyển.

- Đối với các giải học thuật quốc tế khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét và quyết định mức cộng điểm tương ứng với các giải trên theo quy định của Bộ GDĐT và ĐHQG-HCM.

- Công thức tính điểm cộng:

Trường hợp đối với thang 30 thì Điểm cộng cơ sở tối đa là 1,5

- ✓ Điểm cộng bằng Điểm cộng cơ sở đối với thí sinh có tổng điểm nhỏ hơn 28,5 điểm.

- ✓ Điểm cộng đối với thí sinh có tổng điểm từ 28,5 trở lên được xác định theo công thức sau:

Điểm cộng = [(30 – Tổng điểm đạt được của thí sinh) / 1.5] * Điểm cộng cơ sở

c) Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

- Đối với Nhóm ngành Vật lý học (Vật lý học, Công nghệ vật lý điện tử và tin học), Nhóm ngành Địa chất (Địa chất, Kinh tế đất đai): sinh viên học hết năm thứ nhất sau đó dựa trên kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất để phân ngành.

- Đối với Nhóm ngành Khoa học dữ liệu (Khoa học dữ liệu, Thống kê): sinh viên học hết năm thứ hai sau đó dựa trên kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai để phân ngành.

- Đối với Nhóm ngành Toán học, Nhóm ngành Máy tính và công nghệ thông tin: sinh viên học hết năm thứ nhất, năm thứ hai (có thể thêm học kỳ 1 năm thứ ba) sau đó dựa trên kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai (có thể thêm học kỳ 1 năm thứ ba) để phân ngành.

d) Các thông tin khác: cách quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tiếng Anh TOEFL iBT/ IELTS sang thang 10.

- Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tiếng Anh (TOEFL iBT hay IELTS) phải còn giá trị sử dụng tối thiểu đến ngày **30/8/2026**.

- Điểm quy đổi ngoại ngữ được quy định theo bảng dưới đây:

IELTS	Điểm ngoại ngữ quy đổi trên thang 10
Từ 8.0 đến 9.0	10
7.5	9,75
7.0	9,5
6.5	9,0
6.0	8,5
5.5	8,0
5.0	7,5
4.5	7,0

- Cách quy đổi điểm TOEFL iBT sang điểm IELTS được quy định theo bảng sau đây:

TOEFL iBT Score (0-120)	IELTS Band (0-9)
118-120	9
115-117	8.5
110-114	8
107-109	7.5
96-106	7
79-95	6.5
60-78	6
46-59	5.5

TOEFL iBT Score (0–120)	IELTS Band (0–9)
35-45	5.0
32-34	4.5

TOEFL iBT Score (0–6)	IELTS Band (0–9)
6	9
5.5	8
5	7
4.5	6.5
4	6
3.5	5.5
3	5.0
2.5	5.0
2.0	4.5

5. Tổ chức thực hiện tuyển sinh

- Phương thức 1:

a) Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và các văn bản liên quan (thông báo đính kèm). Lưu ý mỗi ngành / nhóm ngành xét tuyển sẽ có quy định về thứ tự ưu tiên cho các loại giải thưởng và thứ hạng giải thưởng được xét.

b) Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài và tốt nghiệp THPT của nước ngoài (xem thông báo đính kèm).

- Điểm xét tuyển đối với thí sinh được tính theo công thức như sau:

$$\text{Điểm_xét_tuyển} = \text{ĐTB} + \text{ĐC} \quad (1)$$

- Trong đó:

- ĐTB: Tổng điểm trung bình cộng kết quả học tập 03 năm lớp 10, 11 và 12 (hay kết quả học tập của 03 năm học cuối cấp THPT của thí sinh).

- ĐC: Điểm cộng dành cho thí sinh người nước ngoài được quy định chi tiết trong Thông báo tuyển sinh 2026.

- Trong trường hợp thí sinh có mức Điểm xét tuyển bằng nhau mà phải lựa chọn, Hội đồng tuyển sinh sẽ căn cứ vào bài luận xét tuyển của thí sinh.

- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12 (xem thông báo đính kèm)

$$\mathbf{Điểm_xét_tuyển = Điểm_học_lực + Điểm_cộng + Điểm_ưu_tiên} \quad (2)$$

- Trong đó:

+ Trường hợp 1: Đối với thí sinh có điểm thi THPT 2026

$$\mathbf{Điểm_học_lực_1 = w1 \times Điểm_THPT + w2 \times Điểm_học_bạ} \quad (3)$$

+ Trường hợp 2: Đối với thí sinh có điểm kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026

$$\mathbf{Điểm_học_lực_2 = w3 \times Điểm_ĐGNL + w4 \times Điểm_học_bạ} \quad (4)$$

Điểm_học_lực của (2) sẽ được tính là :

$$\mathbf{Điểm_học_lực = max(Điểm_học_lực_1, Điểm_học_lực_2)} \quad (5)$$

Trong các công thức trên, chi tiết các điểm thành phần được giải thích như sau:

- *Điểm_học_bạ* là tổng điểm trung bình trong học bạ của ba năm lớp 10, 11, 12 của 03 môn nằm trong một tổ hợp của ngành / nhóm ngành (xem Mục II khoản 4. Chỉ tiêu tuyển sinh) có giá trị lớn nhất trong số các tổ hợp xét tuyển của ngành / nhóm ngành. *Điểm_học_bạ* tính theo thang 30 điểm. Tổ hợp có đủ điểm 03 năm lớp 10, 11, 12 được ưu tiên lựa chọn đầu tiên để tính trong công thức (3) và công thức (4). Trong trường hợp sau khi xét tất cả tổ hợp nhưng thí sinh không có tổ hợp nào có đủ 03 môn cho 03 năm học lớp 10, 11, 12, thì điểm của 01 năm lớp 10 bị thiếu sẽ được quy đổi bằng trung bình điểm của 02 năm lớp 11 và lớp 12. Trong trường hợp kết quả học tập của thí sinh không có tổ hợp môn nào có đủ 03 năm lớp 10, 11, 12 hay tổ hợp môn đủ 02 năm lớp 11, 12 thì *Điểm_học_bạ* và *Điểm_học_lực* sẽ được chọn là 0 điểm vì hồ sơ xét tuyển không hợp lệ.
- *Điểm_THPT* là tổng điểm 03 môn trong kỳ thi THPT 2026 của một tổ hợp có giá trị lớn nhất trong các tổ hợp xét tuyển của ngành / nhóm ngành (xem Mục 3. Chỉ tiêu tuyển sinh). Điểm THPT tính theo thang 30 điểm. Điểm quy đổi tiếng Anh của chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (TOEFL iBT hay IELTS) chỉ được áp dụng cho tổ hợp môn sử dụng kết quả thi THPT trong đó có môn tiếng Anh.

- *Điểm_ĐGNL* là điểm thi ĐGNL lớn nhất của thí sinh trong 02 kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM trong năm 2026. *Điểm_ĐGNL* được quy đổi về thang 30 điểm để tính *Điểm_học_lực* theo công thức như sau:

$$\mathbf{Điểm_ĐGNL = (Điểm\ thi\ ĐGNL / Max_Điểm\ thi_ĐGNL) \times 30} \quad (6)$$

Trong đó *Max_Điểm_thi_ĐGNL* là điểm thi lớn nhất xét trên tất cả thí sinh được công bố công khai của 02 đợt thi ĐGNL chính thức do ĐHQG-HCM tổ chức trong năm 2026 (không tính các kì thi bổ sung nếu có).

- *Điểm_cộng* là điểm cộng được tính dựa trên giải thưởng học thuật các loại giải hay kết quả học tập của thí sinh, lưu ý thí sinh chỉ được cộng 01 loại điểm cộng có mức điểm cao nhất.
- *Điểm_uu_tiên* là điểm ưu tiên khu vực đối tượng đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 30) được xác định theo công thức sau:

$$\mathbf{Điểm_uu_tiên = [(30 - Tổng\ điểm\ đạt\ được) / 7,5] \times Mức\ điểm\ ưu\ tiên\ KVĐT} \\ \mathbf{theo\ quy\ định\ của\ Bộ\ GDĐT;} \quad (7)$$

trong đó

$$\mathbf{Tổng\ điểm\ đạt\ được = Điểm_học_lực + Điểm_cộng} \quad (8)$$

- Các hệ số w_1, w_2, w_3, w_4 được xác định miền giá trị dựa trên hệ số hàm hồi quy tuyến tính nội suy biến đầu ra là kết quả học tập đại học với các biến đầu vào là kết quả trúng tuyển theo điểm THPT, điểm ĐGNL kết hợp với điểm học bạ của thí sinh ở các năm trước, bên cạnh tác động điều chỉnh của phân phối điểm của kì thi THPT 2026 và kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức trong năm 2026. Hội đồng tuyển sinh sẽ xác định các giá trị xác định w_1, w_2, w_3, w_4 khi công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng. Hiện nay miền giá trị của w_1, w_3 được xác định là $[0.7, 0.9]$ và miền giá trị của w_2, w_4 là $[0.1, 0.3]$
- Kết quả trúng tuyển của Phương thức 2 là *Điểm_xét_tuyển_công_bố* được chuẩn hóa trên thang điểm theo quy định của ĐHQG-HCM.

$$\mathbf{Điểm_xét_tuyển_công_bố = Thang_điểm_ĐHQG-HCM \times (Điểm_xét_tuyển / 30)} \quad (9)$$

lấy đến 02 chữ số thập phân.

6. Các nội dung khác

a) Học bổng

Thí sinh trúng tuyển vào Trường được xét cấp các suất học bổng:

(1) Toàn phần (học phí suốt khóa đào tạo) với thí sinh đạt Giải nhất (cấp quốc gia), Huy chương Vàng, Bạc, Đồng (cấp quốc tế) trong Kỳ thi Olympic quốc tế, Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia (các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin học), Cuộc thi Khoa học kỹ thuật; với thí sinh có điểm trúng tuyển cao nhất trong kỳ xét tuyển;

(2) Các suất học bổng từ 50 - 100% học phí năm đầu tiên dành cho thí sinh có thành tích cao trong kỳ xét tuyển, hoặc điểm trúng tuyển cao theo quy định của Trường vào các ngành phục vụ mục tiêu phát triển bền vững và chiến lược quốc gia;

(3) Cùng nhiều loại học bổng khác dành cho tân sinh viên. Ngoài ra, sinh viên của Trường sẽ được xét cấp học bổng khuyến khích học tập trong từng học kỳ dựa vào kết quả học tập và rèn luyện với giá trị từ 100% học phí của học kỳ trở lên; các loại học bổng tài trợ do cựu sinh viên Trường, đơn vị đối tác của Trường cấp và các hình thức hỗ trợ tài chính khác.

b) Học phí Khóa 2026

STT	Tên ngành	Khối ngành	Dự kiến học phí Khóa tuyển 2026
			2026-2027
			(Năm 1)
1	Sinh học	IV	38,600,000
2	Sinh học (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	54,600,000
3	Công nghệ Sinh học	IV	38,600,000
4	Công nghệ Sinh học (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	54,600,000
5	Vật lý học	IV	32,600,000
6	Vật lý học (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	50,800,000
7	Công nghệ vật lý điện tử và tin học	IV	38,600,000
8	Công nghệ vật lý điện tử và tin học (CT tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	IV	<i>Đang điều chỉnh, xem chi tiết trên Thông tin tuyển sinh 2026 của Trường</i>
9	Công nghệ bán dẫn	IV	38,600,000
10	Hoá học	IV	38,600,000
11	Hóa học (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	58,900,000
12	Khoa học Vật liệu	IV	38,600,000
13	Khoa học Vật liệu (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	54,600,000
14	Địa chất học	IV	32,600,000

STT	Tên ngành	Khối ngành	Dự kiến học phí Khóa tuyển 2026
			2026-2027
			(Năm 1)
15	Kinh tế đất đai	IV	38,600,000
16	Hải dương học	IV	32,600,000
17	Hải dương học (CT tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	IV	<i>Đang điều chỉnh, xem chi tiết trên Thông tin tuyển sinh 2026 của Trường</i>
18	Khoa học Môi trường	IV	32,600,000
19	Khoa học Môi trường (CT tăng cường tiếng Anh)	IV	54,600,000
20	Toán học	V	40,500,000
21	Toán ứng dụng	V	40,500,000
22	Toán ứng dụng (CT tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	V	<i>Đang điều chỉnh, xem chi tiết trên Thông tin tuyển sinh 2026 của Trường</i>
23	Toán tin	V	40,500,000
24	Toán tin (CT tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	V	<i>Đang điều chỉnh, xem chi tiết trên Thông tin tuyển sinh 2026 của Trường</i>
25	Khoa học Dữ liệu	V	40,500,000
26	Khoa học dữ liệu (CT tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	V	<i>Đang điều chỉnh, xem chi tiết trên Thông tin tuyển sinh 2026 của Trường</i>
27	Thống kê	V	40,500,000
28	Khoa học máy tính (CT Tiên tiến)	V	70,000,000
29	Công nghệ thông tin (CT tăng cường tiếng Anh)	V	49,500,000
30	Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính)	V	40,500,000
31	Trí tuệ nhân tạo	V	40,500,000
32	Công nghệ kỹ thuật Hoá học (CT tăng cường tiếng Anh)	V	59,800,000
33	Công nghệ Vật liệu	V	40,500,000
	Công nghệ Vật liệu (CT tăng cường tiếng Anh)	V	<i>Đang điều chỉnh, xem chi tiết trên Thông tin tuyển sinh 2026 của Trường</i>
34	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	V	32,600,000
35	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	V	40,500,000

STT	Tên ngành	Khối ngành	Dự kiến học phí Khóa tuyển 2026
			2026-2027
			(Năm 1)
36	Thiết kế vi mạch	V	40,500,000
37	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (CT tăng cường tiếng Anh)	V	49,000,000
38	Kỹ thuật hạt nhân	V	32,600,000
39	Vật lý Y khoa	V	37,000,000
40	Vật lý Y khoa (CT tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)	V	<i>Đang điều chỉnh, xem chi tiết trên Thông tin tuyển sinh 2026 của Trường</i>
41	Kỹ thuật Địa chất	V	32,600,000
42	Quản lý tài nguyên và môi trường	VII	32,600,000
43	Công nghệ giáo dục	I	35,800,000

- Học phí các năm tiếp theo được điều chỉnh theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.